

Bản án số: 33/2017/HC-ST

Ngày: 12-7-2017

V/v khiếu kiện quyết định về
bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Ngọc Minh.
2. Bà Đào Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Châu Thùy Tam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2017/TLST-HC ngày 20/4/2017 về “*Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXXST-HC ngày 28/6/2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Tổ M, khu phố S, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1975 (văn bản ủy quyền ngày 18/5/2017).

Địa chỉ: Số 124C, đường H, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P.

Địa chỉ: Số 04, đường B, khu phố H, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông **Đinh Khoa T**, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (văn bản ủy quyền ngày 18/5/2017).

*(Ông Nguyễn Văn H có mặt. Ông Đinh Khoa T có đơn xin xét xử vắng mặt.
Ông Nguyễn Văn Q vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Nguyễn Văn Q và người đại diện ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 27/6/2014, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 3438/QĐ-UBND thu hồi của ông Nguyễn Văn Q 4.409,40 m² đất trồng cây lâu năm tại tổ M, ấp S, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M đầu tư tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi thu hồi đất, đến ngày 06/3/2017 Ủy ban nhân dân huyện P mới ban hành Quyết định số 2213/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem, tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Theo Quyết định số 2213/QĐ-UBND ông Nguyễn Văn Q được bồi thường, hỗ trợ tổng cộng 1.843.603.600 đồng (một tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm linh ba ngàn sáu trăm đồng) gồm các khoản:

Đất đai: Bồi thường 397.267.000 đồng (ba trăm chín mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn đồng); Hỗ trợ 1.433.551.600 đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi ba triệu năm trăm năm mươi một ngàn sáu trăm đồng);

Hoa màu: Bồi thường 12.785.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Ông Q cho rằng Quyết định số 2213/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện P đã gây thiệt hại cho gia đình ông, cụ thể như sau:

Căn cứ theo số tiền bồi thường chia cho diện tích đất bị thu hồi thì mỗi mét vuông đất của ông chỉ được bồi thường 90.000 đồng (397.267.000 đồng /4.409,4 m²), và hỗ trợ mỗi mét vuông tương đương 367.600 đồng (1.433.551.600 đồng/4.409,4 m²).

Căn cứ Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bảng quy định giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thì giá đất thấp nhất là 130.000 đồng/m². Như vậy mỗi mét vuông đất vừa bồi thường vừa hỗ trợ là 520.000 đồng. Nhưng Ủy ban nhân dân huyện P chỉ bồi thường và hỗ trợ cho ông Q 1m² đất = 457.600 đồng, gây thiệt hại mỗi m² là 62.400 đồng.

Ông Q bị thu hồi đất năm 2014, nhưng đến năm 2017 mới được bồi thường

là do lỗi của Ủy ban nhân dân huyện P, nên Ủy ban nhân dân huyện phải áp giá đất năm 2017 để bồi thường mới phù hợp. Cụ thể là giá đất theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định Bảng giá đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và áp dụng hệ số điều chỉnh theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành thì Ủy ban nhân dân huyện P phải khảo sát giá đất theo thị trường cho từng dự án để bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi.

Ủy ban nhân dân huyện P không hỗ trợ ổn định đời sống cho gia đình ông Q theo quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Vì vậy ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử... nhưng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện, không cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc ban hành quyết định bị kiện. Đại diện của người bị kiện là ông Đinh Khoa T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của người bị kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phức hợp sinh thái Bãi Khem tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang đối với ông Nguyễn Văn Q.

Vì quyết định này ban hành căn cứ theo Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc phê duyệt phương án bổ sung và thu hồi kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phức hợp sinh thái Bãi Khem tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang là một quyết định được ban hành không đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

Tại thời điểm ban hành Quyết định số 1950/QĐ-UBND thì Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành bảng quy định giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã không còn hiệu lực. Thời điểm này Ủy ban nhân dân huyện P phải áp dụng Quyết định số

35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc Quy định Bảng giá đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (thay thế Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND) để làm căn cứ hỗ trợ mới phù hợp.

Ông H yêu cầu Tòa án áp dụng điểm a khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định bồi thường mới đối với ông Q.

Việc Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi đất của ông Q từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 2 năm 2017 mới bồi thường là lỗi của Ủy ban nhân dân huyện P.

Phương án bồi thường cho ông Q được phê duyệt năm 2017 thì phải áp dụng các quy định của Luật đất đai năm 2013 để lập phương án.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 2213/QĐ-UBND ông Q đã nhận nên ông sẽ tự nguyện khấu trừ khi có Quyết định bồi thường mới.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính tại phiên tòa sơ thẩm.

Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện.

Người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Đối với người bị kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 158 của Luật tố tụng hành chính. Tuy nhiên người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện P chưa chấp hành về nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh trong tố tụng hành chính theo quy định tại Điều 78 của Luật tố tụng hành chính. Mặc dù đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng người bị kiện không có ý kiến đối với Quyết

định hành chính bị kiện. Việc người bị kiện không tham gia trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xem xét, đánh giá chứng cứ giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện, buộc Ủy ban nhân dân huyện P ra quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông Q. Giữ nguyên nội dung Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P vì ông Q đã nhận số tiền bồi thường ghi trong Quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu phức hợp sinh thái Bãi Khem là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

Đại diện người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính để xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về nội dung:

Ngày 27/6/2014 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 3438/QĐ-UBND thu hồi của ông Nguyễn Văn Q 4.409 m² đất trồng cây lâu năm tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem.

Đến ngày 06/3/2017 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 2213/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông Q do bị thu hồi đất.

Quyết định số 2213/QĐ-UBND ban hành căn cứ vào Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND huyện P về việc phê duyệt phương án bổ sung và thu hồi kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

[3] Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 do Ủy ban nhân dân huyện P ban hành đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

Về nội dung của Quyết định số 1950/QĐ-UBND: Ủy ban nhân dân huyện P áp dụng Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành là Nghị định số

43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND ngày 20/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bảng quy định đơn giá bồi thường cây trồng, hoa màu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ngày 30/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bảng quy định đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc; Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bảng quy định giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Trong các văn bản nêu trên, tại thời điểm tháng 02 năm 2017 Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Quy định Bảng giá đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ủy ban nhân dân huyện P không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q nên Tòa án không xác định được giá đất Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường cho ông Q có được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 74 và khoản 3, khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013 hay không.

Tuy nhiên, trong Quyết định số 1950/QĐ-UBND không nêu căn cứ vào Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quyết định giá đất cụ thể để bồi thường cho ông Q như quy định tại khoản 3 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013, nên có căn cứ để khẳng định Ủy ban nhân dân huyện P chỉ sử dụng Bảng giá đất theo Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang để phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với ông Q.

Tại điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày”.

Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi đất của ông Q từ tháng 6 năm 2014, đến tháng 02 năm 2017 mới phê duyệt phương án đền bù, nhưng lại không áp dụng

hướng dẫn tại điểm a khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ về xử lý một số vấn đề phát sinh khi ban hành Nghị định, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông Q.

Trong trường hợp này Ủy ban nhân dân huyện P phải xây dựng phương án đền bù khi thu hồi đất dựa trên cơ sở pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 74, khoản 3, khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 14 của Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang: “Bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi đất”, “Hỗ trợ bằng tiền bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nhân với hệ số điều chỉnh (nếu có) đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi” và áp dụng các chính sách hỗ trợ khác khi thu hồi đất cho ông Q (nếu có) theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Với những sai sót này cần thiết phải hủy Quyết định số 2213/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện P và kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ và ra quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Q theo đúng quy định của pháp luật đất đai và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp chậm bồi thường còn phải thanh toán thêm cho ông Q một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật đất đai năm 2013.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện, không cần thiết phải hủy Quyết định số 2213/QĐ-UBND vì lý do ông Q đã nhận một phần tiền đền bù, và buộc Ủy ban nhân dân huyện P ra quyết định bồi thường bổ sung là không phù hợp.

Bởi lẽ Quyết định số 2213/QĐ-UBND được ban hành căn cứ vào Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P nhưng Quyết định số 1950/QĐ-UBND lại áp dụng văn bản pháp luật không còn hiệu lực thi hành. Không xác định giá đất cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013.

Nếu ban hành quyết định bồi thường bổ sung, Ủy ban nhân dân huyện P lại căn cứ vào Quyết định số 1950/QĐ-UBND để ban hành sẽ tiếp tục gây thiệt hại cho ông Q.

[5] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q, không chấp nhận đề

ng nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hủy Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P lập phương án bồi thường, hỗ trợ và ra quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Q theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Q được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32 và Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 69, Điều 74, Điều 93 và Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 32/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q.

Hủy Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem, tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định mới bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn Q thay thế cho quyết định đã bị hủy theo đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005905 ngày 17/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Cẩm Thu